CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thế kỷ 21

Ngày 30/09/2025	17,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	13.8%	**10.2%**	**5.5%**

DT thuần
Q3/25
21.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.60| -2.5%
YoY: ▼0.90| -3.8%

LN thuần
Q3/25
9.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.33| 3112%
YoY: ▲ 1.04| 13.1%

LN sau thuế
Q3/25
8.10
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.55| 658%
YoY: ▲ 1.94| 31.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
44.8%
YoY: +/-▲ 47.1%

ROE (TTM)
Q3/25
3.3%
YoY: +/-▲ 0.1%

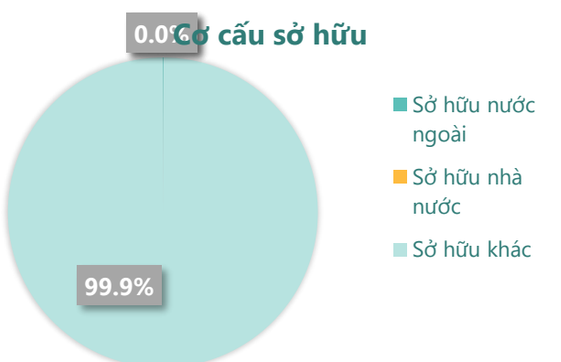
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,800 - 19,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	314
Số lượng CPLH (CP)	18,138,647
KLGD BQ 20 phiên (CP)	530
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.57
EPS	1,373
P/E	12.6

DT thuần
9T 2025
64.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.50| -13.0%

LN thuần
9T 2025
16.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.3| 172%

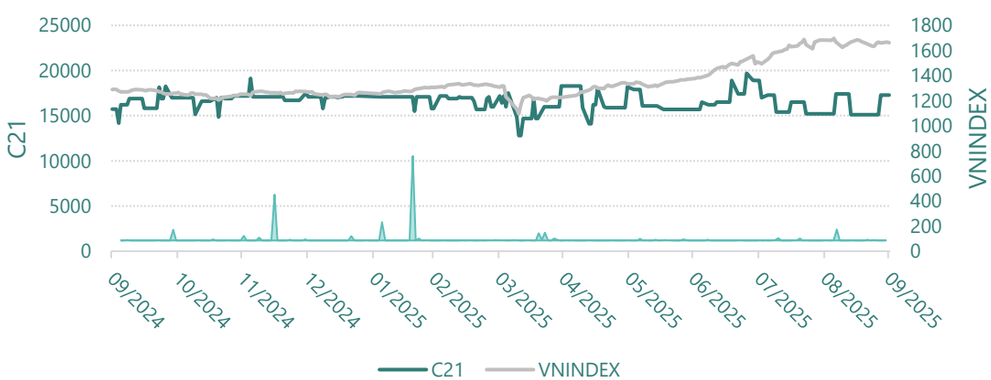
LN sau thuế
9T 2025
13.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.9| 2236%

Cơ cấu sở hữu

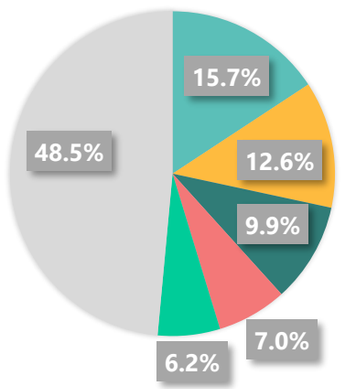


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

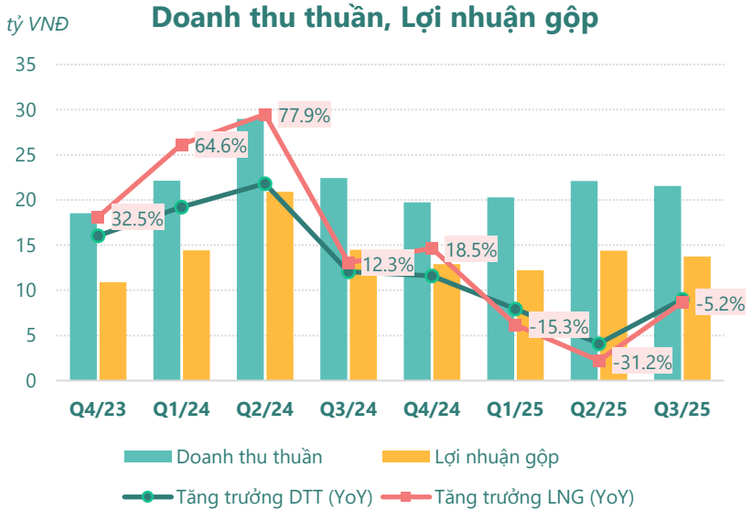


- CTCP Đầu tư Phượng Hoàng Kim
- Nguyễn Phi Hùng Kiệt
- CTCP Quản lý và Dịch vụ An Khánh
- CTCP Sài Gòn Hưng Phú
- CTCP Thế kỷ 21
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

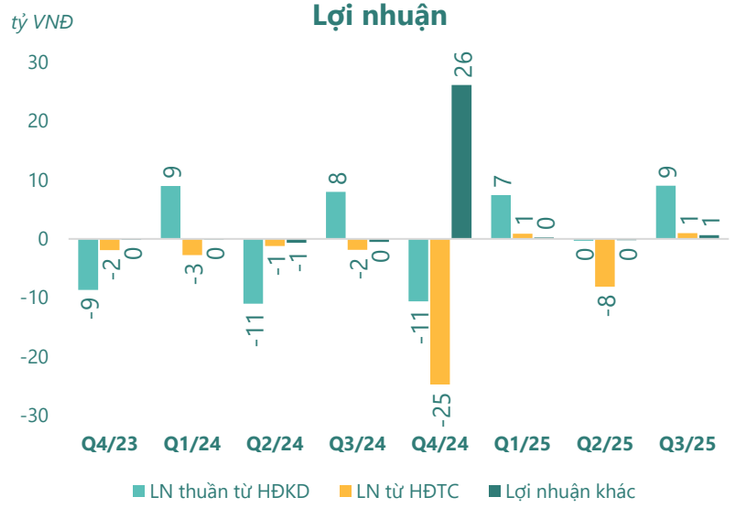
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



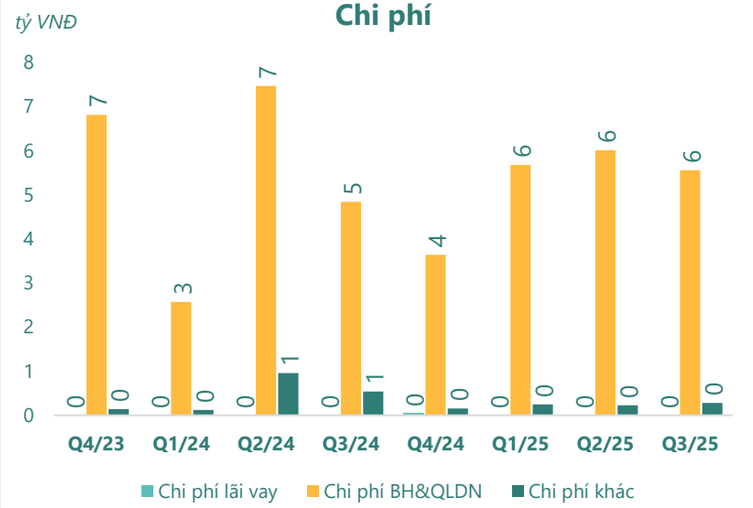
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



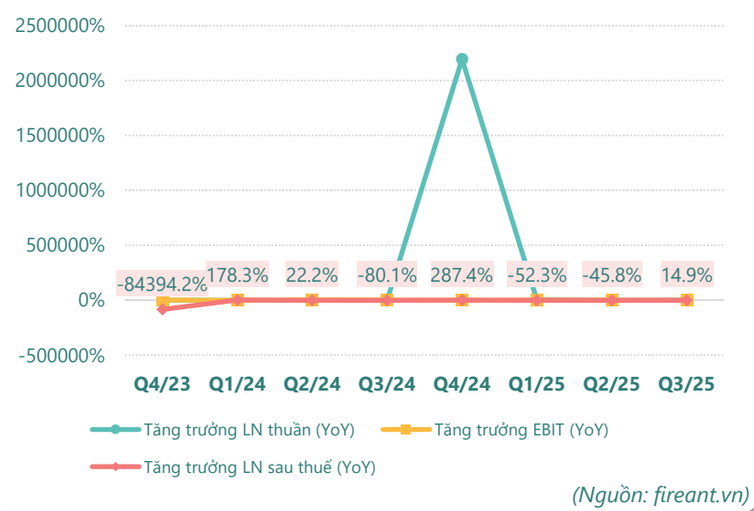
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



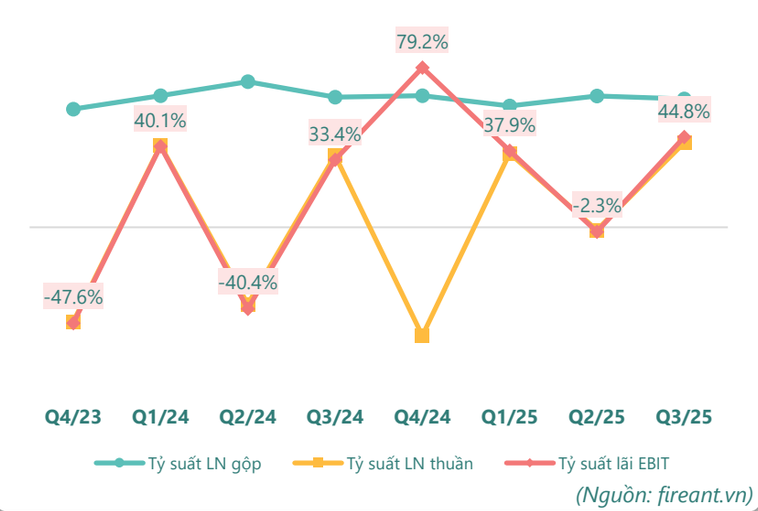
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

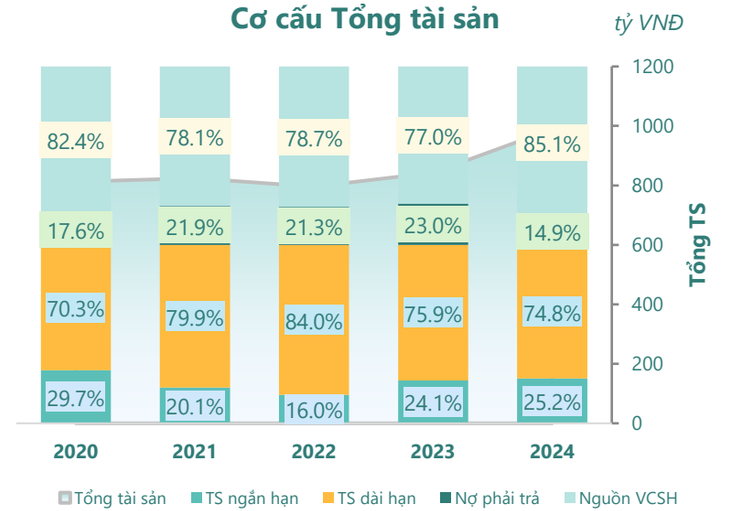
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

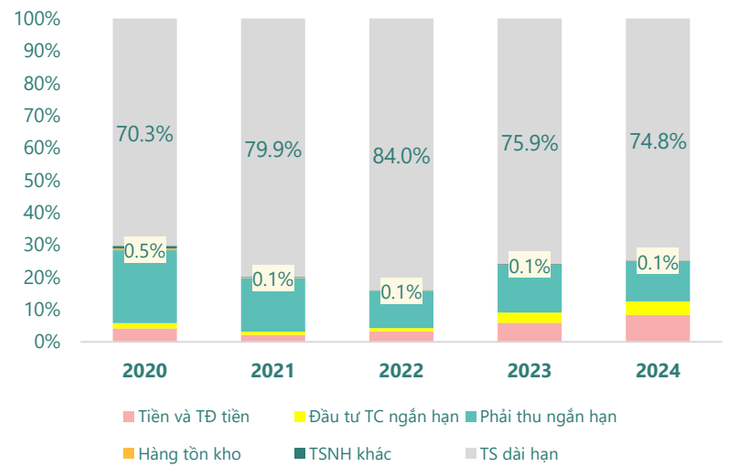
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



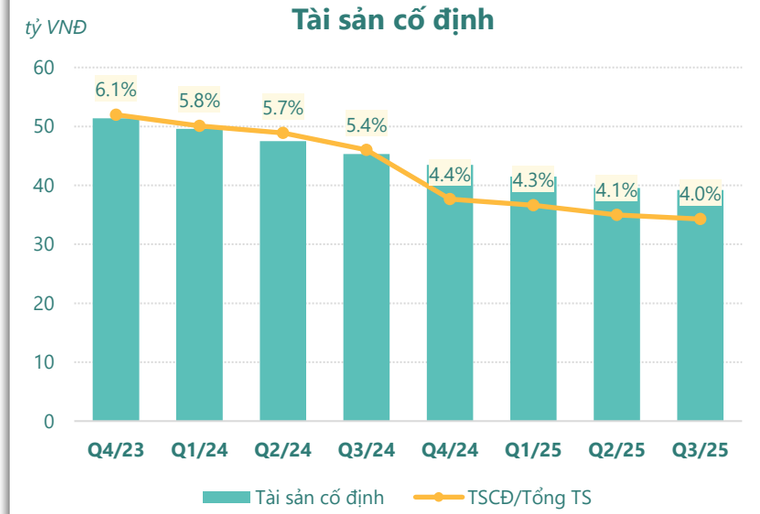
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



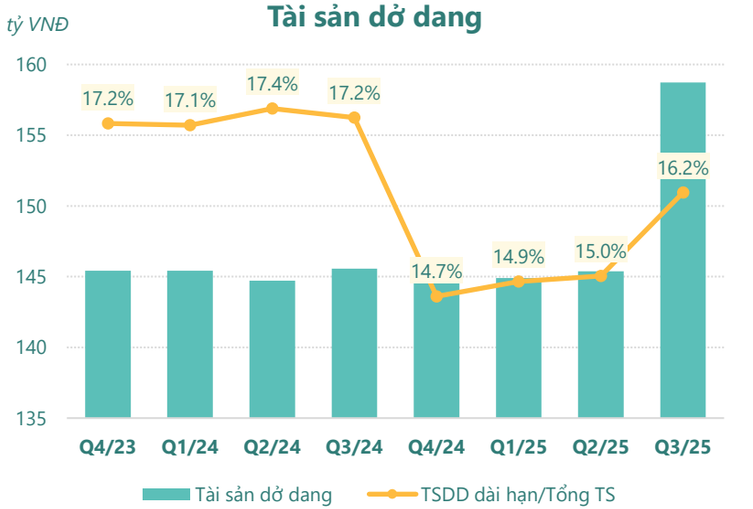
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



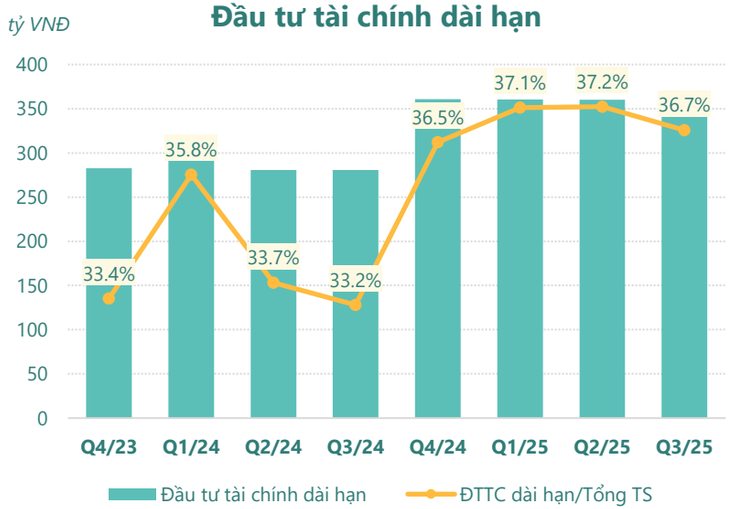
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



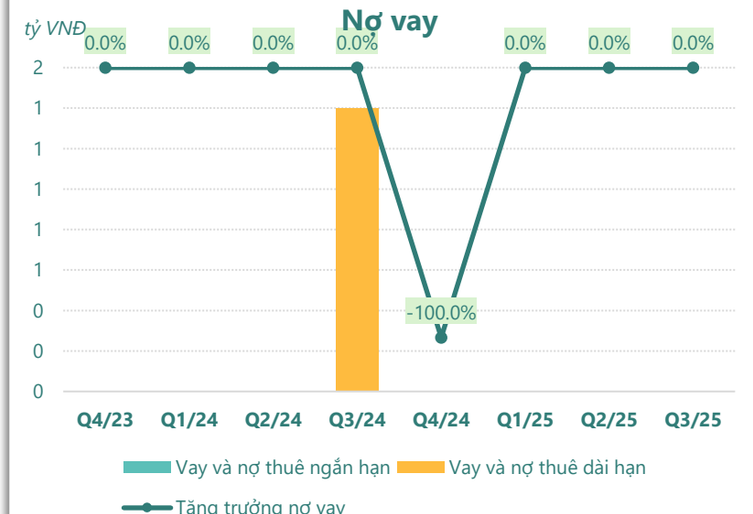
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

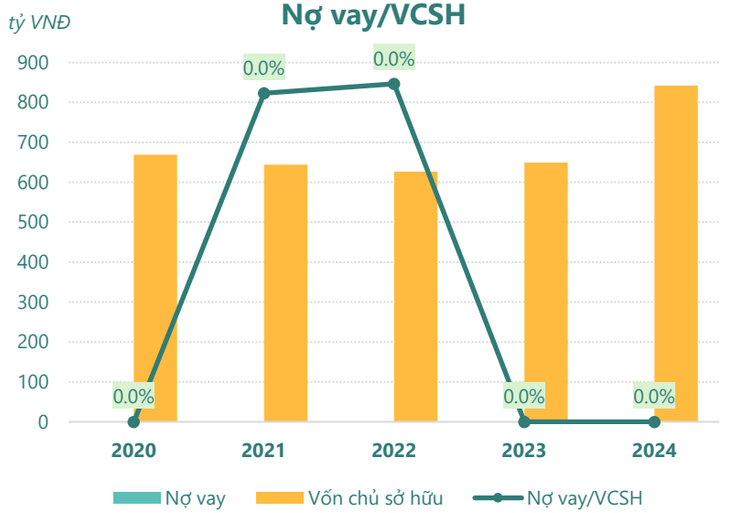
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

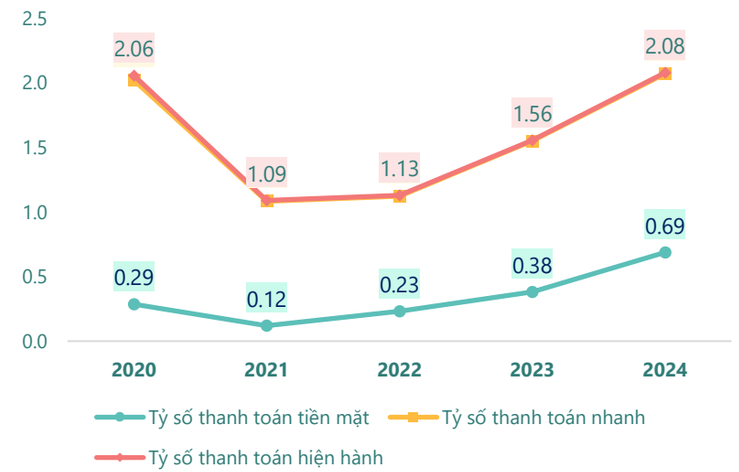
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



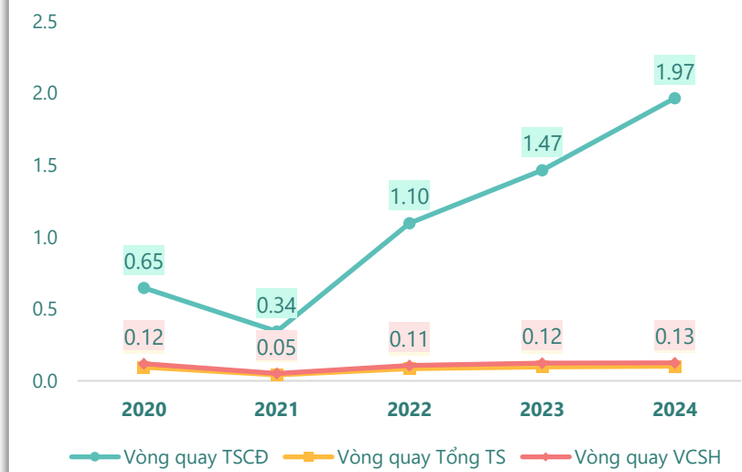
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



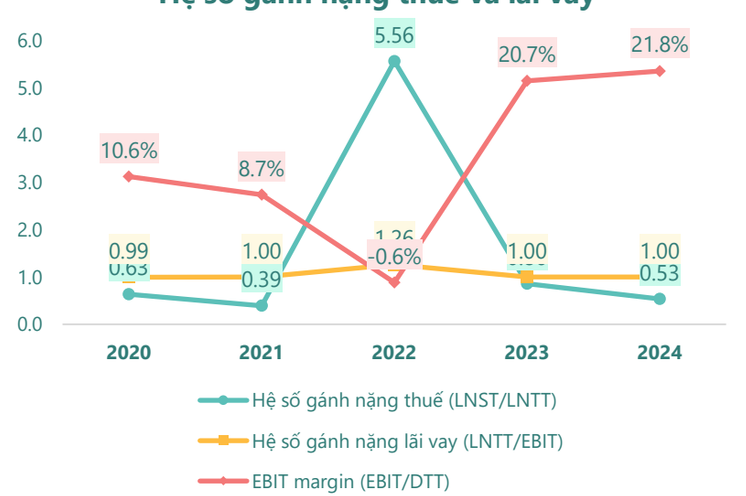
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



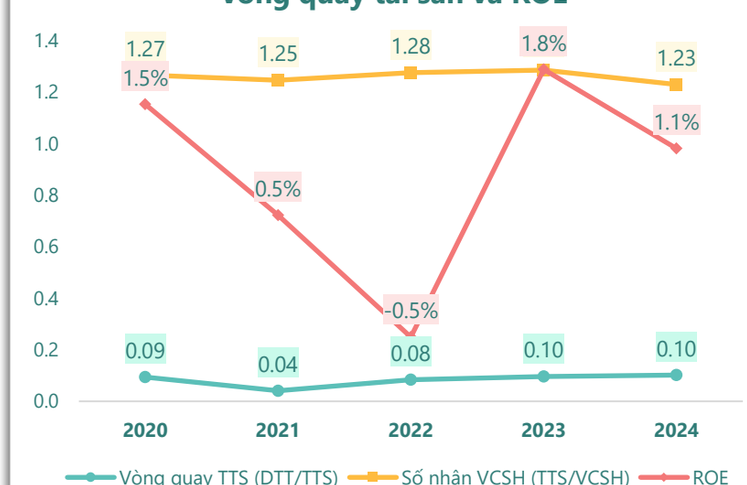
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



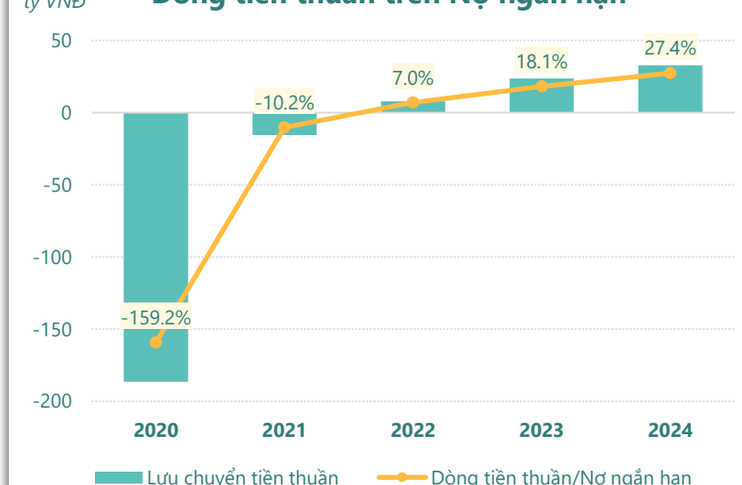
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**21.5**	**22.4**	**-3.8%**	**64.0**	**73.5**	**-13.0%**
Giá vốn hàng bán	7.81	7.95	-1.7%	23.6	23.7	-0.3%
Lợi nhuận gộp	13.7	14.5	-5.3%	40.3	49.8	-19.0%
Doanh thu HĐTC	0.52	0.50	4.2%	1.45	1.25	15.8%
Chi phí TC	-0.48	2.38	-120%	7.70	7.09	8.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**-0.14**	**0.22**	**-165%**	**-0.68**	**-23.2**	**97.1%**
Chi phí bán hàng	1.11	1.04	6.6%	3.40	3.57	-4.9%
Chi phí QLDN	**4.45**	**3.79**	**17.3%**	**13.8**	**11.3**	**22.4%**
LN thuần từ HĐKD	9.03	7.99	13.1%	16.2	5.94	172%
Lợi nhuận khác	**0.61**	**-0.49**	**224%**	**0.65**	**-1.26**	**152%**
LN trước thuế	9.64	7.50	28.6%	16.8	4.68	259%
Lợi nhuận sau thuế	**8.10**	**6.16**	**31.4%**	**13.3**	**-0.62**	**2236%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.40**	**5.12**	**25.1%**	**12.0**	**-4.70**	**355%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.0	6.91	-124	8.29	3.52	7.62
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.78	2.15	142	-0.16	1.31	-1.88
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	1.40	0	1.00	0.40	-7.87
Tiền đầu kỳ	37.6	53.8	64.3	24.5	33.6	38.9
Lưu chuyển tiền thuần	**16.3**	**10.5**	**18.1**	**9.13**	**5.23**	**-2.13**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	53.8	64.3	82.4	33.6	38.9	36.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**980**	**989**	**-0.9%**
Tài sản ngắn hạn	253	249	1.6%
Tiền và tương đương tiền	36.7	82.4	-55.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.7	40.7	4.8%
Phải thu ngắn hạn	170	124	37.2%
Hàng tồn kho	0.86	0.98	-12.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.45	0.90	173%
Tài sản dài hạn	**727**	**740**	**-1.7%**
Phải thu dài hạn	139	155	-10.0%
Tài sản cố định	39.2	43.5	-9.8%
Bất động sản đầu tư	4.59	4.88	-5.9%
Tài sản dở dang	159	146	9.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	360	361	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	**17.7**	**21.4**	**-17.1%**
Lợi thế thương mại	7.86	9.24	-15.0%
Nợ phải trả	127	148	-13.7%
Nợ ngắn hạn	**99.8**	**120**	**-16.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.93	5.54	7.1%
Nợ dài hạn	27.6	27.7	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**853**	**842**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**853**	**842**	**1.3%**
Vốn điều lệ	193	193	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)